

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **166** /TTr-UBND

*Quảng Trị, ngày **25** tháng **9** năm 2024*

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương vốn sự nghiệp thực hiện
các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024
và dự toán chưa giải ngân hết năm 2023**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

Căn cứ Công văn số 5817/BKHĐT-TCTT ngày 23/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trả lời kiến nghị của địa phương về tổ chức thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15;

Căn cứ kết quả giải ngân vốn sự nghiệp giai đoạn 2021-2024 và khó khăn vướng mắc trong tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh một số nội dung sau:

Hàng năm, căn cứ dự toán trung ương giao vốn sự nghiệp từng chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) chi tiết đến dự án, lĩnh vực chi và quy định về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn do HĐND tỉnh ban hành¹; UBND tỉnh đã phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình MTQG cho các đơn vị, địa phương

¹ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; số 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; số 23/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và 72/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022; 63/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND.

dựa vào điểm tiêu chí của các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần². Việc phân bổ vốn theo tiêu chí sẽ đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng giữa các địa phương; tuy nhiên chưa sát với nhu cầu thực tế do một số dự án phụ thuộc vào điểm tiêu chí cơ bản như số lượng xã, thôn đặc biệt khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện; phân loại xã khu vực I, II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; số xã, phường, thị trấn...

Ngoài ra, việc phân bổ tổng mức vốn từng dự án còn phải đảm bảo bằng tổng mức vốn từng dự án trung ương đã giao; dẫn đến quá trình tổ chức thực hiện một số dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần không còn đối tượng, tỷ lệ giải ngân đạt thấp hoặc không đủ điều kiện chi nên kết quả giải ngân vốn sự nghiệp trong thời gian qua đạt rất thấp³, xuất phát từ một số khó khăn chủ yếu sau:

*** Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

- Dự án 2 - Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: Quá trình lập thủ tục đăng ký kế hoạch sử dụng đất hàng năm, bổ sung Quy hoạch sử dụng đất, thủ tục chuyển đổi đất rừng sang mục đích khác và phương án trồng rừng thay thế đối với các dự án có sử dụng đất rừng làm cơ sở để thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư mất nhiều thời gian làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

- Đối với Tiểu dự án 2, dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: Theo quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc chỉ hỗ trợ các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), HTX tham gia chuỗi giá trị phải đóng trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn và phải có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số. Việc quy định như trên rất khó thực hiện trong trường hợp doanh nghiệp chủ trì chuỗi giá trị không có trụ sở đóng trên địa bàn của Chương trình. Mặt khác, Chương trình chỉ hỗ trợ những đối tượng hộ gia đình thuộc diện nghèo và cận nghèo, trong khi đó sự tham gia của các hộ gia đình có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi là rất cần thiết, đây là điều kiện để dẫn dắt, hỗ trợ các hộ khác trong tổ, nhóm sản xuất vươn lên. Tuy nhiên, Chương trình chưa có cơ chế hỗ trợ để thu hút những hộ gia đình có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi tham gia vào dự án.

- Đối với Tiểu dự án 2, dự án 5 - Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: tại điểm 2, khoản 24, Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBND quy định “Kinh phí đào tạo đại học, sau đại học được phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thực hiện theo phương thức ký kết hợp đồng đặt hàng

²Tại các Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 phân bổ kinh phí sự nghiệp chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024; Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 về việc phân bổ dự toán trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp) năm 2024; Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (vốn sự nghiệp) năm 2024.

³ Kết quả giải ngân vốn sự nghiệp năm 2023 (Gồm vốn năm 2021, 2022 chuyển sang) đạt 42%

Kết quả giải ngân vốn sự nghiệp 8 tháng đầu năm 2024 đạt 6% dự toán.

đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học. Việc lựa chọn phương thức ký kết hợp đồng đặt hàng do UBND cấp tỉnh xem xét quyết định”. Thực tế hàng năm sinh viên tham gia học rải rác tại nhiều trường đại học trong cả nước, do vậy, việc ký kết với các cơ sở đào tạo sẽ gặp không ít khó khăn, việc phân bổ trực tiếp kinh phí dự án cho các tỉnh chưa phù hợp với thực tiễn triển khai.

- Đối với Tiểu dự án 1, Dự án 9 - Đầu tư phát triển KT-XH nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn. Hiện đang dừng triển khai theo văn bản số 1017/UBND-DTTS ngày 21/6/2023 của Ủy ban dân tộc⁴.

*** Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:**

- Đối tượng hỗ trợ: Đối tượng đào tạo nghề tại các văn bản của Trung ương (Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 28/01/2022, Quyết định số 02/2022/QĐTTg ngày 18/01/2022, Quyết định 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ) chưa có sự thống nhất; “Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên” không thuộc đối tượng thụ hưởng các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 03 Chương trình MTQG⁵, tuy nhiên, theo Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2015 các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Hướng nghiệp dạy nghề đã sát nhập thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và là cơ sở công lập duy nhất trên địa bàn huyện thực hiện chức năng đào tạo nghề cho lao động tại địa phương; do đó, việc thực hiện nội dung hỗ trợ sở sở vật chất, trang thiết bị liên quan đến công tác giáo dục nghề nghiệp gặp khó khăn, vướng mắc;

- Dự án 1 (Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo): Theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ các xã Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, Triệu Độ của Triệu Phong không còn thuộc xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển nên không thuộc đối tượng thực hiện chương trình.

- Dự án 2 và Tiểu dự án 1, Dự án 3 (Các dự án liên quan đến hỗ trợ PTSX, xây dựng mô hình liên kết chuỗi): Việc quy định thành viên nhóm phải có một người có kinh nghiệm sản xuất giỏi và được UBND xã xác nhận nhưng chưa quy định các tiêu chí, quy chuẩn nên xã không có căn cứ để xác nhận. Ví dụ: quy định về thu nhập, diện tích sản xuất, quy mô chăn nuôi...để phục vụ việc bình xét.

- Dự án 4 Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững.

+ Tiểu dự án 1 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn): Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện không thuộc đối tượng thụ hưởng của Chương trình; đối tượng hộ nghèo, cận

⁴ Kinh phí bố trí từ ngân sách trung ương thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 9 đến nay chưa giải ngân: 42.729 triệu đồng (năm 2022: 11.490 triệu đồng, năm 2023: 31.239 triệu đồng).

⁵ Ngày 31/7/2023, Tổng Cục Giáo dục Nghề nghiệp có văn bản số 1516/TCGDNN-KHTC, theo đó Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên cấp huyện không phải là cơ sở giáo dục nghề nghiệp và không được hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, một số hạng mục công trình, mua sắm máy móc, trang thiết bị, phương tiện đào tạo từ nguồn vốn thuộc 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025. Bộ Lao động, Thương binh và xã hội ghi nhận và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung đối tượng là Trung tâm GDNN-GDTX là đối tượng thụ hưởng kinh phí của từng chương trình.

nghèo vùng đồng bằng đa số là hộ không có khả năng lao động, đối tượng lao động có thu nhập thấp chưa có văn bản hướng dẫn.

+ Tiêu dự án 2 (Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng): Dự án chỉ triển khai ở các xã ĐBKK bãi ngang bên biển và hải đảo và huyện nghèo, tuy nhiên các xã đã thoát khỏi danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Mức hỗ trợ cho các đối tượng tham gia học nghề thực hiện theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg là quá thấp, không đáp ứng nhu cầu tối thiểu của các đối tượng tham gia học nghề.

- Việc kêu gọi doanh nghiệp, hợp tác xã làm đơn vị chủ trì liên kết các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị gặp nhiều khó khăn, nhất là ở các địa phương miền núi.

*** Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

- Nội dung nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới: Hết nhiệm vụ chỉ do kinh phí thực hiện xây dựng quy hoạch chung của các xã giảm so với dự toán được giao (giảm dự toán quy hoạch do điều chỉnh theo tỷ lệ phần trăm (%) quy mô dân số của các xã).

- Nội dung tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn: Một số địa phương không có đối tượng hỗ trợ do mô hình du lịch cộng đồng chưa được công nhận là điểm du lịch theo quy định tại khoản 2, Điều 94, Thông tư số 55/2023/TTBTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính; không có đối tượng hỗ trợ do Dự án xây dựng nhà máy chế biến (hành, kiệu) chưa triển khai để xây dựng vùng nguyên liệu tập trung.

Nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thực hiện và thúc đẩy giải ngân vốn 3 chương trình MTQG; ngày 18/01/2024, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 111/2024/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện chương trình MTQG; theo đó, cho phép địa phương điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (chỉ thường xuyên) và dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên) của các chương trình MTQG đã được chuyển sang năm 2024.

Theo đó, thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (chỉ thường xuyên) và dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên) của các chương trình mục tiêu quốc gia do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định⁶.

Để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh và tranh thủ tối đa nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2024 và dự toán chưa giải ngân hết trong năm 2023; UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo phương án không áp dụng tiêu chí phân bổ vốn đã được HĐND tỉnh ban hành tại các Nghị quyết trước đó để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu chung của chương trình⁷.

⁶ Quy định tại Điểm a, khoản 2, Điều 4, Nghị quyết số 111/2024/QH15

⁷ Điểm b, khoản 1.1, mục 1 văn bản số 5817/BKHĐT-TCTT ngày 2/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: “Trường hợp phương án điều chỉnh dự toán, kế hoạch theo quy định tại khoản 2, Điều 4, Nghị quyết số

Việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước đảm bảo nguyên tắc điều chỉnh từ dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện để giải ngân kinh phí theo quy định hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp để bổ sung dự toán thực hiện cho các dự án thành phần khác trong cùng chương trình MTQG trong phạm vi tổng dự toán ngân sách nhà nước và không thay đổi cơ cấu chi đầu tư, chi thường xuyên của từng chương trình MTQG đã được cấp có thẩm quyền giao⁸, cụ thể như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

i) Điều chỉnh vốn sự nghiệp chưa giải ngân hết năm 2023 (gồm năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023) (Biểu 01 đính kèm).

- Kinh phí điều chỉnh giảm là 60.813 triệu đồng
- Kinh phí điều chỉnh tăng là 60.813 triệu đồng

ii) Điều chỉnh dự toán năm 2024 (Biểu 02 đính kèm).

- Kinh phí điều chỉnh giảm là 56.150 triệu đồng⁹
- Kinh phí điều chỉnh tăng là 56.150 triệu đồng

2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, điều chỉnh dự toán giai đoạn 2021-2024 (Biểu 03 đính kèm):

- Điều chỉnh giảm là 2.570 triệu đồng
- Điều chỉnh tăng là 2.570 triệu đồng

3. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

i) Điều chỉnh vốn sự nghiệp chưa giải ngân hết năm 2023 (gồm năm 2021, 2022 chuyển nguồn sang năm 2023) (Biểu 04 đính kèm).

- Kinh phí điều chỉnh giảm là 11.009 triệu đồng
- Kinh phí điều chỉnh tăng là 11.009 triệu đồng

ii) Điều chỉnh dự toán năm 2024 (Biểu 05 đính kèm).

- Kinh phí điều chỉnh giảm là 3.164 triệu đồng
- Kinh phí điều chỉnh tăng là 3.164 triệu đồng

Đối với dự toán năm 2025, căn cứ tổng mức dự toán kinh phí của từng chương trình trung ương giao, UBND tỉnh tham mưu HĐND tỉnh phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương theo quy định của HĐND tỉnh về nguyên tắc tiêu chí phân bổ vốn từng chương trình MTQG chi tiết đến dự án thành phần¹⁰.

111/2024/QH15 không phù hợp tiêu chí, định mức phân bổ vốn từng chương trình MTQG đã được HĐND cấp tỉnh ban hành, UBND cấp tỉnh báo cáo HĐND cấp tỉnh quyết định theo thẩm quyền bảo đảm phù hợp nguyên tắc quy định tại tiết c1 điểm c, khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15”.

⁸ Tiết c1, điểm c, khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024

⁹ Trong đó bao gồm 51.922 triệu đồng, dự toán năm 2024 chưa phân bổ do không có đối tượng; đề xuất điều chỉnh giảm để tăng cho các dự án khác trong cùng chương trình.

¹⁰ Từ năm 2025, Trung ương giao tổng mức kinh phí của từng chương trình; không giao chi tiết đến từng dự án, lĩnh vực chi như giai đoạn 2022-2024. Việc giao chi tiết đến dự án thành phần thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh (Khoản 1, Điều 4, Nghị quyết số 111/2024/QH15).

Trên đây là phương án điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 và dự toán chưa giải ngân hết trong năm 2023, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 27 xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban: KT-NS, Dân tộc, VH-XH HĐND tỉnh;
- Các Sở, ngành: Ban Dân tộc tỉnh, Tài chính, LĐ, TB & XH, NN & PTNT;
- Chánh VP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Th). *TC*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔC PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI
CHƯA GIẢI NGÂN HẾT NĂM 2023 (GỒM VỐN NĂM 2022 CHUYỂN SANG)
(Kèm theo Tờ trình số **16** / TT-UBND ngày **25** / **9** / 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giải ngân 2022-2023										Đã chi trả/tổng/giảm										Dự toán sau khi điều chỉnh										Thuyết minh cơ sở để xuất
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục và dạy nghề	Sự nghiệp p y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22												
	TỔNG CỘNG		269.911	38.708	4.730	15.352	196.176	14.945	0	25.724	-	3.354	(28.527)	(550)	269.911	64.431	4.730	18.706	167.649	14.395	-												
	Trong đó		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-												
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Mã số 0511)		17.313	1.928	-	-	13.725	1.660	(243)	-	-	-	(243)	-	17.070	1.928	-	-	13.482	1.660													
		UBND huyện Cẩm Lũ	148	-	-	-	142	6	(23)	-	-	-	(23)	-	125	-	-	-	119	6		Do không còn đối tượng để thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề và nước sinh hoạt phần ăn											
		UBND huyện Bakrong	3.414	-	-	-	2.845	569	-	-	-	-	-	-	3.414	-	-	-	2.845	569													
		UBND huyện Hương Hóa	10.197	1.928	-	-	7.242	1.027	-	-	-	-	-	-	10.197	1.928	-	-	7.242	1.027													
		UBND huyện Gio Linh	1.859	-	-	-	1.801	58	-	-	-	-	-	-	1.859	-	-	-	1.801	58		Xã Vĩnh Khê giảm 22 hộ trong đó: có 02 hộ đã chết, 14 hộ đã được hỗ trợ từ chương trình nguồn vốn năm 2022, 05 hộ lớn tuổi không có sức lao động, ...											
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết (Mã số 0512)	UBND huyện Vĩnh Linh	1.695	-	-	-	1.695	-	(220)	-	-	-	(220)	-	1.475	-	-	-	1.475	-													
			8.763	-	-	-	8.763	-	(3.129)	-	-	-	(3.129)	-	5.634	-	-	-	5.634	-													
		UBND huyện Bakrong	4.550	-	-	-	4.550	-	-	-	-	-	-	-	4.550	-	-	-	4.550	-													
		UBND huyện Hương Hóa	4.121	-	-	-	4.121	-	(3.037)	-	-	-	(3.037)	-	1.084	-	-	-	1.084	-		Do đối tượng di dân trên địa bàn huyện chủ yếu trong phạm vi một xã, nên nhu cầu hỗ trợ di lại của các xã, thị trấn là											
		UBND huyện Vĩnh Linh	92	-	-	-	92	-	(92)	-	-	-	(92)	-	-	-	-	-	-	-		Dự án ổn định tại chỗ không có hộ di chuyển nên không có nhu cầu hỗ trợ											

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị địa phương	Dự toán đã phân bổ giải ngân 2022-2023						Biên chỉnh tăng/giảm						Dự toán sau khi điều chỉnh						Thuyết minh cơ sở để xuất
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Mã số 0513)		113.301	-	-	-	113.301	-	(8.081)	-	-	-	(8.081)	-	105.220	-	-	-	105.220	-	
3.1	Tiền dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		49.171	-	-	-	49.171	-	(700)	-	-	-	(700)	-	48.471	-	-	-	48.471	-	
		Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hương Hóa	7.640	-	-	-	7.640	-	-	-	-	-	-	-	7.640	-	-	-	7.640	-	
		Khu Bảo tồn thiên nhiên Đăkông	6.651	-	-	-	6.651	-	-	-	-	-	-	-	6.651	-	-	-	6.651	-	
		BQL rừng phòng hộ Hương Hóa	9.952	-	-	-	9.952	-	-	-	-	-	-	-	9.952	-	-	-	9.952	-	
		BQL RPH Lưu vực sông Bến Hải	8.954	-	-	-	8.954	-	(700)	-	-	-	(700)	-	8.254	-	-	-	8.254	-	Vốn dư hết nhiệm vụ chỉ
		Bộ chỉ huy BDBP	2.326	-	-	-	2.326	-	-	-	-	-	-	-	2.326	-	-	-	2.326	-	
		UBND huyện Đăkông	7.837	-	-	-	7.837	-	-	-	-	-	-	-	7.837	-	-	-	7.837	-	
		UBND huyện Hương Hóa	5.735	-	-	-	5.735	-	-	-	-	-	-	-	5.735	-	-	-	5.735	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	77	-	-	-	77	-	-	-	-	-	-	-	77	-	-	-	77	-	
3.2	Tiền dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được hiệu quả, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		64.130	-	-	-	64.130	-	(7.381)	-	-	-	(7.381)	-	56.749	-	-	-	56.749	-	
		Sở Công Thương	1.162	-	-	-	1.162	-	-	-	-	-	-	-	1.162	-	-	-	1.162	-	
		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	8.436	-	-	-	8.436	-	(7.381)	-	-	-	(7.381)	-	1.055	-	-	-	1.055	-	Vướng mắc về đối tượng nên không tìm được chủ trì liên kết tham gia thực hiện các chuỗi giá trị

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị địa phương	Dự toán đã phân bổ giải ngân 2022-2023						Biên chỉnh tăng/giảm						Dự toán sau khi điều chỉnh						Thuyết minh cơ sở để xuất
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp P / y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	
		UBND huyện Cam Lộ	222	-	-	-	222	-	-	-	-	-	-	-	222	-	-	-	222	-	
		UBND huyện Đakrông	24.184	-	-	-	24.184	-	-	-	-	-	-	-	24.184	-	-	-	24.184	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	25.218	-	-	-	25.218	-	-	-	-	-	-	-	25.218	-	-	-	25.218	-	
		UBND huyện Gio Linh	1.453	-	-	-	1.453	-	-	-	-	-	-	-	1.453	-	-	-	1.453	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	3.455	-	-	-	3.455	-	-	-	-	-	-	-	3.455	-	-	-	3.455	-	
4	Dự án 4: Bàn tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh (MIA số 0514)		13.089	-	-	-	13.089	-	25.399	-	-	-	25.399	-	38.488	-	-	-	38.488	-	
4.1	Tiền dự án 1: Bàn tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		13.089	-	-	-	13.089	-	25.399	-	-	-	25.399	-	38.488	-	-	-	38.488	-	
		UBND huyện Cam Lộ	73	-	-	-	73	-	-	-	-	-	-	-	73	-	-	-	73	-	
		UBND huyện Đakrông	4.792	-	-	-	4.792	-	-	-	-	-	-	-	4.792	-	-	-	4.792	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	6.870	-	-	-	6.870	-	23.599	-	-	-	23.599	-	30.469	-	-	-	30.469	-	Hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng tại các xã DBKK
		UBND huyện Gio Linh	398	-	-	-	398	-	-	-	-	-	-	-	398	-	-	-	398	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	956	-	-	-	956	-	1.800	-	-	-	1.800	-	2.756	-	-	-	2.756	-	Đang ký vốn đang triển khai của 03 xã miền núi
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (MIA số 0515)		36.780	36.780	-	-	-	-	25.724	25.724	-	-	-	-	62.503	62.503	-	-	-	-	

STT		Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giải ngân 2022-2023						Biên chỉnh tăng/giảm						Dự toán sau khi điền chỉnh						Thuyết minh cơ sở để xuất	
				Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp p y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội		
		Tiểu dự án 1: Bồi mới hoạt động, cũng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xã mà chờ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.																					
5.1			Sở Giáo dục và Đào tạo	3.851	3.851	-	-	-	-	28.973	28.973	-	-	-	-	32.824	32.824	-	-	-	-	-	Dầu tư mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cho các trường nội trú, bán trú, có học sinh bán trú, để xuất 35 tỷ đồng trong năm 2024, đã bỏ trị vốn đợt 1 là 1.960 triệu đồng và dự kiến đợt 2 là 4.040 triệu đồng, số vốn còn thiếu 29.000 triệu đồng.
			UBND huyện Cam Lộ	139	139	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	139	139	-	-	-	-	-	Mua sắm trang thiết bị cho 5 trường PTDT bán trú
			UBND huyện Đakrông	2.834	2.834	-	-	-	-	1.348	1.348	-	-	-	-	4.182	4.182	-	-	-	-	-	
			UBND huyện Hướng Hóa	1.621	1.621	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.621	1.621	-	-	-	-	-	
			UBND huyện Gio Linh	618	618	-	-	-	-	(8)	(8)	-	-	-	-	610	610	-	-	-	-	-	Kinh phí còn dư hết nhiệm vụ chỉ
			UBND huyện Vĩnh Linh	566	566	-	-	-	-	1.486	1.486	-	-	-	-	2.052	2.052	-	-	-	-	-	Đang ký tăng vốn 02 trường PTDTBT TH Vĩnh O, trường PTDT Nội trú
5.2		Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN.		1.757	1.757	-	-	-	-	(1.473)	(1.473)	-	-	-	-	284	284	-	-	-	-	-	

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giải đoạn 2022-2023										Biên chỉnh tăng/giảm						Dự toán sau khi điều chỉnh						Thuyết minh cơ sở để xuất
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp P y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội					
		Ban Dân tộc	1.757	1.757	-	-	-	-	(1.473)	(1.473)	-	-	-	-	284	284	-	-	-	-	-	Nội dung bồi dưỡng kiến thức dân tộc: Đối tượng đang ký tham gia quá ít so với kế hoạch nên không đủ điều kiện mở lớp (dự toán); nội dung Dự bị đại học, đào tạo đại học và sau Đại học: không có khả năng giải ngân do TV chưa có hướng dẫn			
5.3	Tiền dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.		17.797	17.797	-	-	-	-	(3.304)	(3.304)	-	-	-	-	14.492	14.492	-	-	-	-	-				
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	3.676	3.676	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.676	3.676	-	-	-	-	-				
		UBND huyện Cam Lộ	182	182	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	182	182	-	-	-	-	-				
		UBND huyện Đakrông	3.287	3.287	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.287	3.287	-	-	-	-	-	Trung tâm GDNN- GDTX không phải là đối tượng được hỗ trợ			
		UBND huyện Hướng Hóa	7.669	7.669	-	-	-	-	(2.492)	(2.492)	-	-	-	-	5.177	5.177	-	-	-	-	-	Hủy nguồn do bất đối tượng đào tạo nghề			
		UBND huyện Gio Linh	1.230	1.230	-	-	-	-	(812)	(812)	-	-	-	-	418	418	-	-	-	-	-				
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.753	1.753	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.753	1.753	-	-	-	-	-				
5.4	Tiền dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ trên khai Chương trình ở các cấp		7.597	7.597	-	-	-	-	(1.298)	(1.298)	-	-	-	-	6.299	6.299	-	-	-	-	-				
		Ban Dân tộc	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000	2.000	-	-	-	-	-				
		UBND huyện Cam Lộ	16	16	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16	16	-	-	-	-	-				
		UBND huyện Đakrông	2.117	2.117	-	-	-	-	(1.348)	(1.348)	-	-	-	-	769	769	-	-	-	-	-	Do nguồn vốn nhiều, đối tượng tương tập			
		UBND huyện Hướng Hóa	2.855	2.855	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.855	2.855	-	-	-	-	-				
		UBND huyện Gio Linh	192	192	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	192	192	-	-	-	-	-				

STT		Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giải ngân 2022-2023										Điều chỉnh tăng/giảm						Dự toán sau khi điều chỉnh						Tuyệt minh cơ sở để xuất
				Công	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp bảo xã hội	Công	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp P y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp bảo xã hội	Công	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp bảo xã hội					
			UBND huyện Vĩnh Linh	417	417	-	-	-	-	-	50	50	-	-	-	-	467	467	-	-	-	-	-			
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (Mã số 0516)			10.179	-	-	10.179	-	-	-	1.100	-	1.100	-	-	-	11.279	-	-	11.279	-	-	-			
			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3.864	-	-	3.864	-	-	-	1.160	-	1.160	-	-	-	5.024	-	-	5.024	-	-	-	Đảng cai Tổ chức ngày hội văn hóa các dân tộc Việt Nam tỉnh Quảng Trị năm 2024		
			UBND huyện Cam Lộ	212	-	-	212	-	-	-	-	-	-	-	-	-	212	-	-	212	-	-				
			UBND huyện Đakrông	2.556	-	-	2.556	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.556	-	-	2.556	-	-				
			UBND huyện Hướng Hóa	2.440	-	-	2.440	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.440	-	-	2.440	-	-				
			UBND huyện Gio Linh	415	-	-	415	-	-	-	(60)	-	(60)	-	-	-	355	-	-	355	-	-	Hết nhiệm vụ chi			
			UBND huyện Vĩnh Linh	692	-	-	692	-	-	-	-	-	-	-	-	-	692	-	-	692	-	-				
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, làm việc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Mã số 0517)			4.730	-	4.730	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.730	-	4.730	-	-	-				
			Sở Y tế	4.730	-	4.730	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.730	-	4.730	-	-	-				
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (Mã số 0518)			12.639	-	-	-	2.180	10.459	-	-	-	-	-	-	-	12.639	-	-	-	2.180	10.459				
			Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	6.249	-	-	-	1.711	4.538	-	-	-	-	-	-	-	6.249	-	-	-	1.711	4.538				
			Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	70	-	-	-	-	70	-	-	-	-	-	-	-	70	-	-	-	-	70				
			UBND huyện Cam Lộ	39	-	-	-	-	39	-	-	-	-	-	-	-	39	-	-	-	-	39				
			UBND huyện Đakrông	2.307	-	-	-	-	2.307	-	-	-	-	-	-	-	2.307	-	-	-	-	2.307				

STT		Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giải ngân 2022-2023										Biên chỉnh tăng/giảm						Dự toán sau khi điều chỉnh						Thuyết minh cơ sở để xuất
				Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp p y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội					
			UBND huyện Hướng Hóa	3.315	-	-	-	469	2.846	-	-	-	-	-	3.315	-	-	-	469	2.846						
			UBND huyện Gio Linh	194	-	-	-	-	194	-	-	-	-	-	194	-	-	-	-	194						
			UBND huyện Vĩnh Linh	465	-	-	-	-	465	-	-	-	-	-	465	-	-	-	-	465						
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn (Mã số 0519)			46.189	-	-	-	43.363	2.826	(43.023)	-	-	(42.473)	(550)	3.166	-	-	-	890	2.276						
9.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù			42.729	-	-	-	42.432	297	(42.729)	-	-	(42.432)	(297)	-	-	-	-	-	-						
		UBND huyện Đakrông	18.672	-	-	-	-	18.672	-	(18.672)	-	-	(18.672)	-	-	-	-	-	-	-		Dự án không đủ điều kiện giải ngân, đang dừng triển khai theo văn bản số 1017/UBND-T.ĐTTS ngày 21/6/2023 của Ủy ban dân tộc				
		UBND huyện Hướng Hóa	20.778	-	-	-	-	20.481	297	(20.778)	-	-	(20.481)	(297)	-	-	-	-	-	-						
		UBND huyện Gio Linh	1.379	-	-	-	-	1.379	-	(1.379)	-	-	(1.379)	-	-	-	-	-	-	-						
		UBND huyện Cam Lộ	154	-	-	-	-	154	-	(154)	-	-	(154)	-	-	-	-	-	-	-						
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.746	-	-	-	-	1.746	-	(1.746)	-	-	(1.746)	-	-	-	-	-	-	-						
	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.			3.460	-	-	-	931	2.529	(294)	-	-	(41)	(253)	3.166	-	-	-	890	2.276						
		Ban Dân tộc	1.729	-	-	-	-	465	1.264	(281)	-	-	(41)	(240)	1.448	-	-	-	424	1.024		Không đủ điều kiện để giải ngân kinh phí theo quy định: Số lượng học viên là cán bộ công chức cấp xã, cấp huyện đi tập huấn thấp hơn so với kế hoạch (dự dự toán)				
		UBND huyện Cam Lộ	287	-	-	-	-	77	210	-	-	-	-	-	287	-	-	-	77	210						
		UBND huyện Đakrông	442	-	-	-	-	119	323	-	-	-	-	-	442	-	-	-	119	323						

Không đủ điều kiện để giải ngân kinh phí theo quy định: Số lượng học viên là cán bộ công chức cấp xã, cấp huyện đi tập huấn thấp hơn so với kế hoạch (dự dự toán)

Dự án không đủ điều kiện giải ngân, đang dừng triển khai theo văn bản số 1017/UBNDT-DTTS ngày 21/6/2023 của Ủy ban dân tộc

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giải ngân 2022-2023						Biên chỉnh tăng/giảm						Dự toán sau khi điều chỉnh						Thuyết minh cơ sở để xuất
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp P y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	
		UBND huyện Hướng Hóa	442	-	-	-	119	323	-	-	-	-	-	442	-	-	-	-	119	323	
		UBND huyện Gio Linh	301	-	-	-	81	220	(13)	-	-	-	(13)	288	-	-	-	-	81	207	Kinh phí còn dư hết nhiệm vụ chi
		UBND huyện Vĩnh Linh	259	-	-	-	70	189	-	-	-	-	-	259	-	-	-	-	70	189	
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình (Mã số 0521)		6.928	-	-	5.173	1.755	-	2.254	-	-	2.254	-	-	9.182	-	-	7.427	1.755	-	
10.1	Tiền dự án 1: Biên cương, tôn vinh di sản văn hóa, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.		3.646	-	-	3.646	-	-	2.254	-	-	2.254	-	-	5.900	-	-	5.900	-	-	Không đủ điều kiện để giải ngân kinh phí theo quy định: Số lượng người có uy tín đi tập huấn thấp hơn so với kế hoạch (dự dư toán)
		Ban Dân tộc	1.588	-	-	1.588	-	-	(143)	-	-	(143)	-	-	1.445	-	-	1.445	-	-	
		Sở Thông tin và truyền thông	300	-	-	300	-	-	-	-	-	-	-	300	-	-	-	300	-	-	
		Sở Tư pháp	300	-	-	300	-	-	-	-	-	-	-	300	-	-	-	300	-	-	
		UBND huyện Đakrông	564	-	-	564	-	-	-	-	-	-	-	564	-	-	-	564	-	-	Kinh phí tổ chức 02 phiên tòa giả định tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; kinh phí tổ chức Hội thi cấp huyện, cấp xã về tìm hiểu pháp luật lĩnh vực công tác dân tộc
		UBND huyện Hương Hóa	706	-	-	706	-	-	2.300	-	-	2.300	-	-	3.006	-	-	3.006	-	-	
		UBND huyện Gio Linh	47	-	-	47	-	-	-	-	-	-	-	47	-	-	-	47	-	-	

STT		Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giải ngân 2022-2023										Đã chi trả/tổng/giảm						Dự toán sau khi điều chỉnh						Thuyết minh cơ sở để xuất
				Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân số và bảo vệ môi trường	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân số và bảo vệ môi trường	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân số và bảo vệ môi trường					
			UBND huyện Vĩnh Linh	141	-	-	141	-	-	97	-	-	97	-	-	238	-	-	238	-	-	Tổ chức Hội thi cấp huyện về tìm hiểu pháp luật lĩnh vực công tác dân tộc				
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.			1.487	-	-	1.487	-	-	-	-	-	-	-	-	1.487	-	-	1.487	-	-					
		Ban Dân tộc	150	-	-	-	150	-	-	-	-	-	-	-	-	150	-	-	150	-	-					
		Liên minh hợp tác xã	380	-	-	-	380	-	-	-	-	-	-	-	-	380	-	-	380	-	-					
		Sở Thông tin và truyền thông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
		UBND huyện Đakrông	368	-	-	-	368	-	-	-	-	-	-	-	-	368	-	-	368	-	-					
		UBND huyện Hương Hóa	465	-	-	-	465	-	-	-	-	-	-	-	-	465	-	-	465	-	-					
		UBND huyện Gio Linh	31	-	-	-	31	-	-	-	-	-	-	-	-	31	-	-	31	-	-					
		UBND huyện Vĩnh Linh	93	-	-	-	93	-	-	-	-	-	-	-	-	93	-	-	93	-	-					
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.			1.795	-	-	40	1.755	-	-	-	-	-	-	-	1.795	-	-	40	1.755	-					
		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	120	-	-	-	-	120	-	-	-	-	-	-	-	120	-	-	-	120	-					
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	40	-	-	-	-	40	-	-	-	-	-	-	-	40	-	-	-	40	-					
		Ban Dân tộc	526	-	-	-	-	526	-	-	-	-	-	-	-	526	-	-	-	526	-					
		Sở Y tế	20	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	-	20	-	-	-	20	-					
		Sở Tài chính	80	-	-	-	-	80	-	-	-	-	-	-	-	80	-	-	-	80	-					
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	150	-	-	-	-	150	-	-	-	-	-	-	-	150	-	-	-	150	-					
		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	170	-	-	-	40	130	-	-	-	-	-	-	-	170	-	-	40	130	-					
		Sở Giáo dục và Đào tạo	20	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	-	20	-	-	-	20	-					
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	20	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	-	20	-	-	-	20	-					

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giải đoạn 2022-2023					Điều chỉnh tăng/giảm					Dự toán sau khi điều chỉnh					Thuyết minh cơ sở để xuất				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân an xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân an xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân an xã hội	
		UBND huyện Cam Lộ	13	-	-	-	13	-	-	-	-	-	-	13	-	-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Đakrông	250	-	-	-	250	-	-	-	-	-	-	250	-	-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	311	-	-	-	311	-	-	-	-	-	-	311	-	-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Gio Linh	23	-	-	-	23	-	-	-	-	-	-	23	-	-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	52	-	-	-	52	-	-	-	-	-	-	52	-	-	-	-	-	-	-	

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024

Bên 02

DVT: triệu đồng

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán từ năm kế toán 2024										Biên chế tăng/giảm					Dự toán sau điều chỉnh					Thuyết minh cơ sở để xuất
			Công	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	Công	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp p / y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội	Công	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân bào xã hội			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
	Tổng cộng		188.421	11.546	4.905	12.834	145.414	13.732	-	17.747	-	9.699	(27.446)	-	188.421	29.233	4.905	22.523	117.968	13.732			
	Trong đó:		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (NKA số 0511)	UBND huyện Dakrông	14.267	-	-	-	14.267	-	(3.133)	-	-	-	(3.133)	-	11.134	-	-	-	11.134	-			
		UBND huyện Dakrông	3.100				3.100		-	-	-	-	-	-	3.100				3.100	-			
		UBND huyện Hương Hòa	7.414				7.414		-	-	-	-	-	-	7.414				7.414	-			
		UBND huyện Gio Linh	201				201		-	-	-	-	-	-	201				201	-			
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.133				1.133		(714)	-	-	-	(714)	-	419				419	-	Đeo giảm đối tượng hộ nghèo		
		Dự toán còn lại chưa phân bổ	2.419				2.419		(2.419)	-	-	-	(2.419)	-	-				-	-	Giảm do không còn đối tượng		
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bổ trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết (NKA số 0512)	UBND huyện Dakrông	11.394	-	-	-	11.394	-	(9.394)	-	-	-	(9.394)	-	2.000				2.000	-			
		UBND huyện Dakrông	2.000				2.000		-	-	-	-	-	-	2.000				2.000	-			
		Dự toán còn lại chưa phân bổ	9.394				9.394		(9.394)	-	-	-	(9.394)	-	-				-	-	Giảm do không còn đối tượng		
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (NKA số 0513)		107.481	-	-	-	107.481	-	(20.648)	-	-	-	(20.648)	-	86.833	-	-	-	86.833	-			
3.1	Tiền dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		24.008	-	-	-	24.008	-	1.077	-	-	-	1.077	-	25.085	-	-	-	25.085	-			
		Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hương Hòa	-				-		262	-	-	-	262	-	262				262	-			
		Khu Bảo tồn thiên nhiên Dakrông	-				-		241	-	-	-	241	-	241				241	-			
		BQL rừng phòng hộ Hương Hòa - Dakrông	3.520				3.520		209	-	-	-	209	-	3.729	-	-	-	3.729	-	Bổ sung số hình phí còn thiếu năm 2021, do nhầm lẫn trong quá trình tổng hợp diện tích khoán BVR của Sở NN&PTNT, số tiền 1.077 triệu đồng		

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024										Điểm thành công/giảm										Dự toán sau điểm thành										Thuyết minh cơ sở để xuất	
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa và thể thao	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp an ninh trật tự	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa và thể thao	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp an ninh trật tự	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa và thể thao	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp an ninh trật tự	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa và thể thao	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp an ninh trật tự								
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị tự nguyện công lập của tỉnh (MA số 0514)		11.191	-	-	-	11.191	-	5.509	-	-	-	5.509	-	16.700	-	-	-	16.700	-														
4.1	Tiền dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		11.191	-	-	-	11.191	-	5.509	-	-	-	5.509	-	16.700	-	-	-	16.700	-														
		UBND huyện Cam Lộ	60				60		30	-	-	-	30	-	90	-	-	-	90	-														
		UBND huyện Đakrông	4.267				4.267		2.100	-	-	-	2.100	-	6.367	-	-	-	6.367	-														
		UBND huyện Hướng Hóa	5.733				5.733		2.822	-	-	-	2.822	-	8.555	-	-	-	8.555	-														
		UBND huyện Gio Linh	332				332		163	-	-	-	163	-	495	-	-	-	495	-														
		UBND huyện Vĩnh Linh	799				799		394	-	-	-	394	-	1.193	-	-	-	1.193	-														
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục- đào tạo hàng cao chất lượng nguồn nhân lực (MA số 0515)		11.546	11.546	-	-	-	-	17.747	17.747	-	-	-	-	29.293	29.293	-	-	-	-	-													
	Tiền dự án 1: Đầu tư mới hoạt động, công cụ phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.		4.908	4.908	-	-	-	-	14.213	14.213	-	-	-	-	19.121	19.121	-	-	-	-	-													
		Sở Giáo dục và Đào tạo	1.960	1.960					4.040	4.040	-	-	-	-	6.000	6.000	-	-	-	-	-													
		UBND huyện Cam Lộ	35	35					122	122	-	-	-	-	157	157	-	-	-	-	-													
		UBND huyện Đakrông	1.315	1.315					4.536	4.536	-	-	-	-	5.851	5.851	-	-	-	-	-													
		UBND huyện Hướng Hóa	1.033	1.033					3.565	3.565	-	-	-	-	4.598	4.598	-	-	-	-	-													
		UBND huyện Gio Linh	223	223					768	768	-	-	-	-	991	991	-	-	-	-	-													

Thực hiện nội dung mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú cấp THCS và Trường PTDTNT tỉnh Quảng Trị

Hỗ trợ xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS&MN

Mua sắm trang thiết bị cho các trường PTDTNT, PTDTBT, trường Phổ thông có học sinh ở bán trú và hỗ trợ xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS&MN

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán chi phần bổ năm 2024						Hiện trạng thực/giảm						Dự toán sau điều chỉnh						
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động khác	Sự nghiệp dân báo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động khác	Sự nghiệp dân báo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động khác	Sự nghiệp dân báo xã hội	
		UBND huyện Vĩnh Linh	342	342					1.182	1.182	-	-	-	-	1.524	1.524	-	-	-	-	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cho 3 trường PTDTBT TH Vĩnh Ô, Vĩnh Hà, Vĩnh Khê
	Tiền dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc- đào tạo đại học, đại học và sau đại học- đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN.		422	422	-	-	-	-	734	734	-	-	-	-	1.156	1.156	-	-	-	-	Kinh phí thực hiện nội dung đào tạo sau đại học cho cán bộ, công chức, viên chức người DTTS
		Ban Dân tộc	422	422					-	-	-	-	-	-	422	422	-	-	-	-	
		Sở Nội vụ							734	734	-	-	-	-	-	734	-	-	-	-	
	Tiền dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.		-	-	-	-	-	-	2.800	2.800	-	-	-	-	2.800	2.800	-	-	-	-	Tổ chức Hội nghị tuyên truyền về giải quyết việc làm, đưa người lao động đi làm việc nước ngoài; Phối hợp sản xuất và phát sóng chuyên mục "Lao động- Việc làm Quảng Trị" năm 2023; Phối hợp với Báo, Tạp chí xây dựng chuyên trang "Lao động- Việc làm Quảng Trị"; tuyên truyền về các chính sách giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	-						300	300	-	-	-	-	300	300	-	-	-	-	Tổ chức các lớp đào tạo nghề
		UBND huyện Đakrông	-						1.042	1.042	-	-	-	-	1.042	1.042	-	-	-	-	Tổ chức các lớp đào tạo nghề
		UBND huyện Hướng Hóa	-						938	938	-	-	-	-	938	938	-	-	-	-	Xây dựng và triển khai mô hình đào tạo nghề, hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động vùng ĐB DTTS và MN
		UBND huyện Vĩnh Linh	-						520	520	-	-	-	-	520	520	-	-	-	-	
	Tiền dự án 4: Bồi tạo năng lực nâng cao học sinh cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp		5.000	5.000	-	-	-	-	1.216	1.216	-	-	-	-	6.216	6.216	-	-	-	-	
		Ban Dân tộc	2.500	2.500					-	-	-	-	-	-	2.500	2.500	-	-	-	-	
		UBND huyện Đakrông	949	949					462	462	-	-	-	-	1.411	1.411	-	-	-	-	

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024						Đã chi trả/ghiảm						Dự toán sau điều chỉnh						Thuyết minh cơ sở để xuất
			Cộng	Số người nghèo đói- y tế, giáo dục và dạy nghề	Số người nghèo đói, y tế, giáo dục và dạy nghề	Số người nghèo đói, y tế, giáo dục và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế	Số người nghèo đói, y tế, giáo dục và dạy nghề	Cộng	Số người nghèo đói, y tế, giáo dục và dạy nghề	Số người nghèo đói, y tế, giáo dục và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế	Số người nghèo đói, y tế, giáo dục và dạy nghề	Cộng	Số người nghèo đói, y tế, giáo dục và dạy nghề	Số người nghèo đói, y tế, giáo dục và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế	Số người nghèo đói, y tế, giáo dục và dạy nghề	Cộng	Số người nghèo đói, y tế, giáo dục và dạy nghề	
		UBND huyện Hương Hóa	1.280	1.280					622	622	-	-	-	1.902	1.902	-	-	-	-	-	Tập huấn năng cao năng lực cho nhóm cộng đồng
		UBND huyện Gio Linh	85	85					41	41	-	-	-	126	126	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	186	186					91	91	-	-	-	277	277	-	-	-	-	-	
			1.216	1.216					(1.216)	(1.216)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
5.5	Dự toán còn lại chưa phân bổ																				
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, từ cấp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển địa phương (M&A số 0516)		9.509	-	-	9.509			8.686	-	-	8.686	-	18.195	-	-	18.195	-	-	-	Thực hiện một số nội dung đang cải T&C chức năng hội văn hóa các dân tộc Việt Nam tỉnh Quảng Trị năm 2024
		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3.803			3.803			3.474	-	-	3.474	-	7.277	-	-	7.277	-	-	-	
		UBND huyện Cam Lộ	88			88			80	-	-	80	-	168	-	-	168	-	-	-	
		UBND huyện Đakrông	734			734			671	-	-	671	-	1.405	-	-	1.405	-	-	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	3.989			3.989			3.644	-	-	3.644	-	7.633	-	-	7.633	-	-	-	
		UBND huyện Gio Linh	331			331			302	-	-	302	-	633	-	-	633	-	-	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	564			564			515	-	-	515	-	1.079	-	-	1.079	-	-	-	
	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (M&A số 0517)		4.905	-	4.905	-	-	-	-	-	-	-	-	4.905	-	4.905	-	-	-	-	
		Sở Y tế	4.905			4.905			-	-	-	-	-	4.905	-	4.905	-	-	-	-	
	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (M&A số 0518)		10.806	-	-	-	-	-	10.806	-	-	-	-	10.806	-	-	-	-	-	-	
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	5.330			5.330			-	-	-	-	-	5.330	-	-	-	-	-	5.330	
		UBND huyện Cam Lộ	34			34			-	-	-	-	-	34	-	-	-	-	-	34	
		UBND huyện Đakrông	1.999			1.999			-	-	-	-	-	1.999	-	-	-	-	-	1.999	
		UBND huyện Hướng Hóa	2.872			2.872			-	-	-	-	-	2.872	-	-	-	-	-	2.872	
		UBND huyện Gio Linh	168			168			-	-	-	-	-	168	-	-	-	-	-	168	
		UBND huyện Vĩnh Linh	403			403			-	-	-	-	-	403	-	-	-	-	-	403	

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024								Thực hiện tăng/giảm								Dự toán sau điều chỉnh	
			Công	Số người giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Số người y tế, dân số vulnerable và gia đình	Số người nhập học ở các trường tư nhân	Các hoạt động kinh doanh xã hội	Số người được đào tạo và dạy nghề	Số người P.T tài năng và gia đình	Số người nhập học ở các trường tư nhân	Các hoạt động kinh do anh tế	Số người được đào tạo và dạy nghề	Công	Số người giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Số người y tế, dân số vulnerable và gia đình	Số người nhập học ở các trường tư nhân	Các hoạt động kinh doanh xã hội	Số người được đào tạo và dạy nghề		
10.	Tiếp dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	UBND huyện Đakrông	340			340			225	-	-	225	-	-	565	-	-	565	-	Thực hiện nội dung biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, Tăng cường trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS.
		UBND huyện Hương Hóa	425			425			281	-	-	281	-	-	706	-	-	706	-	
		UBND huyện Gio Linh	28			28			19	-	-	19	-	-	47	-	-	47	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	85			85			56	-	-	56	-	-	141	-	-	141	-	
			1.120	-		1.120	-		-	-	-	-	1.120	-	-	1.120	-	-	-	
		Ban Dân tộc	200			200			-	-	-	-	200	-	-	200	-	-	-	
		Liên minh hợp tác xã	200			200			-	-	-	-	200	-	-	200	-	-	-	
		Sở Thông tin và truyền thông	328			328			(328)	-	-	(328)	-	-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Đakrông	151			151			126	-	-	126	-	-	277	-	-	277	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	190			190			159	-	-	159	-	-	349	-	-	349	-	
10.	Tiếp dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn từ chức được tiếp Chương trình.	UBND huyện Gio Linh	13			13			11	-	-	11	-	-	24	-	-	24	-	Do trùng lặp đối tượng với địa phương nên không trên khai - Công văn số 655 ngày 04/6/2024 của Sở TT&TT
		UBND huyện Vĩnh Linh	38			38			32	-	-	32	-	-	70	-	-	70	-	
			1.081	-		-		1.081	-	-	220	-	220	-	1.301	-	1.301	-	-	
		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	100			100			-	-	-	-	-	100	-	-	100	-		
		Ban Dân tộc	200			200			-	-	-	-	-	200	-	-	200	-		
		Sở Tài chính	50			50			-	-	-	-	-	50	-	-	50	-		
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	150			150			-	-	-	-	-	150	-	-	150	-		
		Sở Giáo dục và Đào tạo	20			20			-	-	-	-	-	20	-	-	20	-		
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	120			120			30	-	-	30	-	-	150	-	-	150	-	
		UBND huyện Cam Lộ	10			10			4	-	-	4	-	-	14	-	-	14	-	
UBND huyện Đakrông	169			169			73	-	-	73	-	-	242	-	-	242	-			
UBND huyện Hương Hóa	211			211			91	-	-	91	-	-	302	-	-	302	-			

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024						Biên chỉnh tăng/giảm						Dự toán sau điều chỉnh						Thuyết minh cơ sở để xuất
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân báo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp P/ y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân báo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp dân báo xã hội	
		UBND huyện Gio Linh	15				15		7	-	-	-	7	-	22	-	-	-	22	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	36				36		15	-	-	-	15	-	51	-	-	-	51	-	

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Tờ trình số 18/TT-UBND ngày 25/9/2024 của UBND tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao			Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			Dự toán sau điều chỉnh			Giải trình lý do điều chỉnh
		Tổng số	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	
a	b	1=2+4	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11=2-5+8	12=3-6+9	
	TỔNG SỐ	38.798	11.351	27.447	2.570	1.560	1.010	2.570	1.560	1.010	38.798	11.351	27.447	
1	Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới (Mã 00491)	15.852	8.003	7.849	131	131	-	-	-	-	15.721	7.872	7.849	
	Huyện Gio Linh	2.755	545	2.210	-	-	-	-	-	-	2.755	545	2.210	
	Huyện Hướng Hóa	4.006	1.286	2.720	-	-	-	-	-	-	4.006	1.286	2.720	
	Huyện Đakông	2.726	856	1.870	-	-	-	-	-	-	2.726	856	1.870	
	Huyện Cam Lộ	609	-	609	-	-	-	-	-	-	609	-	609	
	Huyện Triệu Phong	3.035	2.815	220	131	131	-	0	-	0	2.904	2.684	220	Hết nhiệm vụ chi do kinh phí thực hiện xây dựng quy hoạch chung của các xã giảm so với dự toán được giao (giảm dự toán quy hoạch do điều chỉnh theo tỷ lệ phần trăm (%) quy mô dân số của các xã).
	Huyện Vĩnh Linh	220	-	220	-	-	-	-	-	-	220	-	220	
	Huyện Hải Lăng	2.500	2.500	-	-	-	-	-	-	-	2.500	2.500	-	
2	Phát triển hạ tầng KT-XH, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền (Mã 00492)	2.185	185	2.000	-	-	-	400	-	400	2.585	185	2.400	
	Sở Thông tin và Truyền thông	1.081	81	1.000	-	-	-	0	-	-	1.081	81	1.000	
	Huyện Hướng Hóa	15	15	-	-	-	-	0	-	-	15	15	-	
	Huyện Vĩnh Linh	241	41	200	-	-	-	0	-	-	241	41	200	
	Huyện Triệu Phong	203	3	200	-	-	-	0	-	-	203	3	200	
	Huyện Gio Linh	228	28	200	-	-	-	0	-	-	228	28	200	
	Huyện Hải Lăng	216	16	200	-	-	-	0	-	-	216	16	200	

STT	Nội dung	Dự toán được giao			Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			Dự toán sau điều chỉnh			Giải trình lý do điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó		Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	
			KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024										
	Huyện Cam Lộ	200	-	200	-			400	0	400	600	-	600	Bổ sung kinh phí cho huyện Cam Lộ xây dựng huyện NTM nâng cao (Huyện Cam Lộ cam kết giải ngân hết trong năm 2024)
3	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn (Mã số 00493)	10.851	2.731	8.120	2.439	1.429	1.010	-	-	-	8.412	1.302	7.110	
	Huyện Hướng Hóa	630	330	300	130	130		0			500	200	300	Không có đối tượng hỗ trợ do mô hình du lịch cộng đồng tại xã thôn Chênh Vành xã Hướng Phùng chưa được công nhận là điểm du lịch theo quy định tại khoản 2, Điều 94, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
	Huyện Dakrông	637	7	630	-			0			637	7	630	
	Huyện Cam lộ	640	-	640	310		310	0			330	-	330	Không có đối tượng hỗ trợ do Dự án xây dựng nhà máy chế biến (thành, kiện) chưa triển khai để xây dựng vùng nguyên liệu tập trung theo quy định tại Điều 84, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
	Huyện Gio Linh	663	123	540	-			0			663	123	540	
	Huyện Vĩnh Linh	1.150	0,01	1.150	-			0			1.150	0	1.150	

STT	Nội dung	Dự toán được giao			Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			Dự toán sau điều chỉnh			Giải trình lý do điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó		Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	
			KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024										
	Huyện Triệu Phong	1.450	300	1.150	300	300	0			1.150	-	1.150	Tại các văn bản số 4330/UBND-KT ngày 25/8/2023 và văn bản số 503/UBND-KT ngày 25/01/2024 của UBND tỉnh về việc áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn khô có định mức kinh tế kỹ thuật cho cây tía tô. Do đó, dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị (cây tía tô) của HTX Nông nghiệp sạch Đông Triều không thực hiện được.	
	Huyện Hải Lăng	319	19	300	-		0			319	19	300		
	Thị xã Quảng Trị	160	-	160	-		0			160	-	160		
	Chi cục Trồng trọt và BV thực vật		1.205	700	1.099	399	700	0		805	805	-	- Hết nhiệm vụ chi do kinh phí thực hiện giám so với dự toán được giao (Giá vật tư giám, số lượng người tham gia tập huấn giám, diện tích liên kết thực hiện giám 23ha so với kế hoạch) - Không giải ngân được do không tìm được đối tượng chủ trì liên kết tham gia để triển khai thực hiện dự án liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp (Công ty cổ phần tổng công ty Sông Gianh - Nhà máy sản xuất giống cây trồng, chưa có hợp đồng với các hợp tác xã về sản xuất lúa hữu cơ nên không đủ điều kiện làm chủ trì liên kết theo quy định tại khoản 3, Điều 6, Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ)	
	Trung tâm xúc tiến đầu tư thương mại và Du lịch	1.905								352	2	350		
		352	2	350	-			0						

STT	Nội dung	Dự toán được giao				Điều chỉnh giảm				Điều chỉnh tăng				Dự toán sau điều chỉnh				Giải trình lý do điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó		DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024				
			KP năm trước chuyển sang															
	Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	100	-	100	-			0			100	-	100					
	Chi cục Phát triển nông thôn	932	132	800	-			0			932	132	800					
	Liên minh HTX	253	3	250	-			0			253	3	250					
	Sở Công Thương	150	-	150	-			0			150	-	150					
	Sở Khoa học và công nghệ	906	6	900	-			0			906	6	900					
	Trung tâm Khuyến nông	600	600	-	600	600		0			-	-	-		Không giải ngân được do không tìm được chủ trì liên kết để triển khai thực hiện dự án liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp (Trung tâm Khuyến nông đã làm việc với một số Công ty và Hợp tác xã, tuy nhiên các đơn vị đang vướng mắc về quy hoạch đất đai và giấy phép môi trường nên không đăng ký thực hiện kế hoạch liên kết)			
	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	4	4	-	-			0			4	4	-					
4	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn (Mã số 00496)	1.615	15	1.600	-	-		989	809	180	2.604	824	1.780					
	Huyện Hướng Hóa	0	0	-	-			0			0	0	-					
	Huyện Đakrông	140	-	140	-			0			140	-	140					
	Huyện Cam lộ	140	-	140	-			989	809	180	1.129	809	320	Bổ sung kinh phí cho huyện Cam Lộ xây dựng huyện NTM nâng cao (Huyện Cam Lộ cam kết giải ngân hết trong năm 2024)				
	Huyện Gio Linh	140	0	140	-			0			140	0	140					
	Huyện Vĩnh Linh	285	5	280	-			0			285	5	280					
	Huyện Triệu Phong	423	3	420	-			0			423	3	420					
	Huyện Hải Lăng	142	2	140	-			0			142	2	140					

STT	Nội dung	Dự toán được giao			Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			Dự toán sau điều chỉnh			Giải trình lý do điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó		Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	
			KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024										
	Thị xã Quảng Trị	140	-	140	-		0			140	-	140		
	Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	206	6	200	-		0			206	6	200		
5	Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam (Mã số 00497)	1.901	1	1.900	-	-	620	620	-	2.521	621	1.900		
	Huyện Đakrông	100		100	-		0			100	-	100	Bổ sung kinh phí cho huyện Cam Lộ xây dựng huyện NTM nâng cao (Huyện Cam Lộ cam kết giải ngân hết trong năm 2024)	
	Huyện Cam lộ	250		250	-		320	320	0	570	320	250		
	Huyện Gio Linh	250		250	-		0			250	-	250		
	Huyện Vĩnh Linh	350		350	-		0			350	-	350		
	Huyện Triệu Phong	450		450	-		0			450	-	450		
	Huyện Hải Lăng	100		100	-		0			100	-	100		
	Thị xã Quảng Trị	100		100	-		0			100	-	100		
	Chi cục Bảo vệ môi trường	-	-	-			300	300	0	300	300	-	Bổ sung kinh phí thực hiện kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn tái chế liên huyện để hoàn thiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Số Tài nguyên và Môi trường cam kết giải ngân 100% trước ngày 31/12/2024 (Công văn số 3853/STNMT-CCBVMT ngày 10/9/2024)	
	Sở Tài nguyên và Môi trường	301	1	300	-		0			301	1	300		

STT	Nội dung	Dự toán được giao			Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			Dự toán sau điều chỉnh			Giải trình lý do điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó		Tổng	Kế hoạch năm trước chuyển sang	Dự toán năm 2024	Tổng	Kế hoạch năm trước chuyển sang	Dự toán năm 2024	Tổng	Kế hoạch năm trước chuyển sang	Dự toán năm 2024	
			Kế hoạch năm trước chuyển sang	Dự toán năm 2024										
	Bày mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới (Mã số 00498)	104	4	100	-	-	-	-	-	-	104	4	100	
	Sở Tư pháp	104	4	100	-			0			103,5	4	100	
7	Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới (Mã số 00499)	1.401	1	1.400	-	-	-	50	-	50	1.451	1	1.450	
	Huyện Triệu Phong	100		100	-			0			100	-	100	
	Huyện Vĩnh Linh	100		100	-			0			100	-	100	
	Huyện Hải Lăng	100		100	-			0						
	Huyện Cam Lộ	-			-			50		50	50	-	50	Bổ sung kinh phí cho huyện Cam Lộ xây dựng huyện NTM nâng cao (Huyện Cam Lộ cam kết giải ngân hết trong năm 2024)
	Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh	300		300	-			0			300	-	300	
	Hội Nông dân	501	1	500	-			0			501	1	500	
	Hội LHPN tỉnh	150		150	-			0			150	-	150	
	Tinh Đoàn Thanh niên	150		150	-			-		-	630	-	630	
8	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn (Mã số 00501)	630	-	630	-	-	-	0	-	-	630	-	630	
	Công an tỉnh	630		630	-			0			630	-	630	

STT	Nội dung	Dự toán được giao			Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			Dự toán sau điều chỉnh			Giải trình lý do điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó		Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	
			KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024										
9	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới (Mã số 00502)	4.261	413	3.848	-	-	-	511	131	380	4.772	544	4.228	
	Huyện Hướng Hóa	397	112	285	-			0			397	112	285	
	Huyện Đakông	197	17	180	-			0			197	17	180	
	Huyện Cam Lộ	155		155	-			50		50	205	-	205	
	Huyện Gio Linh	225		225	-			0			225	-	225	
	Huyện Vĩnh Linh	435	35	400	-			0			435	35	400	
	Huyện Triệu Phong	322	26,93	295	-			131	131	0	453	158	295	Bổ sung kinh phí nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình
	Huyện Hải Lăng	335	60	275	-			0			335	60	275	
	Thị xã Quảng Trị	40		40	-			0			40	-	40	
	Văn phòng Điều phối NTM tỉnh	1.540	7	1.533	-			330	0	330	1.870	7	1.863	Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, nhất là đối tượng cấp thôn tại các xã DBKK phân đầu đạt chuẩn NTM. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền; triển khai phong trào “Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới”
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	191	41	150	-			0			191	41	150	
	Sở Kế hoạch và Đầu tư	116	66	50	-			0			116	66	50	
	Sở Tài chính	46	46	-	-			0			46	46	-	
	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường	102,57	2,57	100	-			0			103	3	100	
	Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	100	-	100	-			0			100	-	100	
	Cục Thống kê	60		60	-			0			60	-	60	

ĐẢNG DƯỠNG THỰC HIỆN CHỖ ĐẢNG
(Kèm theo Tổ chức xã)

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị địa phương	Dự toán đã phân bổ giải ngân 2021-2023								Dự toán điều chỉnh tăng/giảm								Dự toán sau điều chỉnh								Thuyết minh cơ sở đề xuất (không cần đối tượng, chưa có hướng dẫn, ý lệ giải ngân thấp)
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19									
	TỔNG CỘNG		206.062	55.459	4.376	16.387	129.840	-	(7.504)	(135)	6	7.633	206.062	47.955	4.241	16.393	137.473										
Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã DBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (Mã số CTMT: 0471)			17.295	-	-	-	17.295	302	-	-	-	302	17.597	-	-	-	17.597										
TDA 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã DBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo			17.295	-	-	-	17.295	302	-	-	-	302	17.597	-	-	-	17.597										
- Hoạt động 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo			8.595	-	-	-	8.595	-	-	-	-	-	8.595	-	-	-	8.595										
		UBND huyện Đakrông	8.595	-	-	-	8.595	-	-	-	-	-	8.595	-	-	-	8.595										
- Hoạt động 2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.			8.700	-	-	-	8.700	302	-	-	-	302	9.002	-	-	-	9.002										
		UBND huyện Hải Lăng	2.400	-	-	-	2.400	-	-	-	-	-	2.400	-	-	-	2.400										
		UBND huyện Gio Linh	2.100	-	-	-	2.100	-	-	-	-	-	2.100	-	-	-	2.100										
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	3.000	-	-	-	3.000	1.502	-	-	-	1.502	4.502	-	-	-	4.502	Chuyển vốn từ các Dự án, tiêu dự án để nghĩ giảm của huyện									
		UBND huyện Triệu Phong	1.200	-	-	-	1.200	(1.200)	-	-	-	(1.200)	-	-	-	-	-	Theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ các xã Triệu An, Triệu Văn, Triệu Lăng, Triệu Đà của Triệu Phong không còn thuộc vùng đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển, Đề nghị chuyển lĩnh Dự án 2									
Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Mã số CTMT: 0472)			46.354	-	-	-	46.354	8.180	-	-	-	8.180	54.534	-	-	-	54.534										
		UBND thành phố Đông Hà	1.910	-	-	-	1.910	-	-	-	-	-	1.910	-	-	-	1.910										
		UBND thị xã Quảng Trị	894	-	-	-	894	-	-	-	-	-	894	-	-	-	894										
		UBND huyện Triệu Phong	4.020	-	-	-	4.020	1.200	-	-	-	1.200	5.220	-	-	-	5.220	Chuyển vốn Tiêu DA 1 Dự án 1									
		UBND huyện Hải Lăng	5.645	-	-	-	5.645	24	-	-	-	24	5.669	-	-	-	5.669	Chuyển vốn Tiêu dự án 2 DA4									
		UBND huyện Cam Lộ	1.429	-	-	-	1.429	-	-	-	-	-	1.429	-	-	-	1.429										
		UBND huyện Dakrông	15.280	-	-	-	15.280	-	-	-	-	-	15.280	-	-	-	15.280										
		UBND huyện Hương Hóa	7.505	-	-	-	7.505	2.375	-	-	-	2.375	9.880	-	-	-	9.880	Chuyển vốn Tiêu dự án 1 DA4									
		UBND huyện Gio Linh	5.008	-	-	-	5.008	3.462	-	-	-	3.462	8.470	-	-	-	8.470	Chuyển vốn Tiêu DA 1 và Tiêu DA 2 DA4									
		UBND huyện Vĩnh Linh	3.417	-	-	-	3.417	2.037	-	-	-	2.037	5.454	-	-	-	5.454	Chuyển vốn Tiêu dự án 1 DA4									
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	1.246	-	-	-	1.246	(918)	-	-	-	-918	328	-	-	-	328	Hiện tại trên địa bàn không có đối tượng để hỗ trợ theo quy định									
Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Mã số CTMT: 0473)			24.468	-	4.376	-	20.092	(529)	-	(135)	-	(394)	23.939	-	4.241	-	19.698										
Tiền dự án 1. Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp			20.092	-	-	-	20.092	(394)	-	-	-	(394)	19.698	-	-	-	19.698										
		UBND thành phố Đông Hà	844	-	-	-	844	-	-	-	-	-	844	-	-	-	844										
		UBND thị xã Quảng Trị	395	-	-	-	395	-	-	-	-	-	395	-	-	-	395										
		UBND huyện Triệu Phong	1.777	-	-	-	1.777	-	-	-	-	-	1.777	-	-	-	1.777										
		UBND huyện Hải Lăng	2.385	-	-	-	2.385	-	-	-	-	-	2.385	-	-	-	2.385										

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị địa phương	Dự toán đã phân bổ giải đoạn 2021-2023						Dự toán điều chỉnh tăng/giảm						Dự toán sau điều chỉnh						Thuyết minh cơ sở đề xuất (không còn đối tượng, chưa có hướng dẫn, lý lẽ giải ngân thấp)
			Công	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Công	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Công	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế				
		UBND huyện Cam Lộ	632	-	-	-	632	-					632	-	-	-	-	632			
		UBND huyện Dakrông	6.755	-	-	-	6.755	-					6.755	-	-	-	-	6.755			
		UBND huyện Hướng Hóa	3.317	-	-	-	3.317	-					3.317	-	-	-	-	3.317			
		UBND huyện Gio Linh	2.081	-	-	-	2.081	-					2.081	-	-	-	-	2.081			
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.512	-	-	-	1.512	-					1.512	-	-	-	-	1.512			
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	394	-	-	-	394	(394)				-394	-	-	-	-	-	-	Số hộ nghèo và cận nghèo trên huyện đảo Côn Cỏ (t theo đó 100% hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo đã được hỗ trợ vốn hỗ trợ phát triển sản xuất. Đề nghị chuyển sang Dự án 1		
3.2	Tiêu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng		4.376	-	4.376	-	-	(135)	-	(135)	-	-	4.241	-	4.241	-	-	-			
		UBND thành phố Đông Hà	170	-	170	-	-	-					170	-	170	-	-	-			
		UBND thị xã Quảng Trị	94	-	94	-	-	-					94	-	94	-	-	-			
		UBND huyện Triệu Phong	407	-	407	-	-	-					407	-	407	-	-	-			
		UBND huyện Hải Lăng	486	-	486	-	-	-					486	-	486	-	-	-			
		UBND huyện Cam Lộ	151	-	151	-	-	-					151	-	151	-	-	-			
		UBND huyện Dakrông	1.572	-	1.572	-	-	-					1.572	-	1.572	-	-	-			
		UBND huyện Hướng Hóa	633	-	633	-	-	-					633	-	633	-	-	-			
		UBND huyện Gio Linh	413	-	413	-	-	(24)	-24				389	-	389	-	-	-	Trên địa bàn huyện hết đối tượng thực hiện		
		UBND huyện Vĩnh Linh	339	-	339	-	-	-					339	-	339	-	-	-			
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	111	-	111	-	-	(111)	-111				-	-	-	-	-	-	Trên địa bàn huyện hết đối tượng thực hiện		
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Mã số CTMT: 0479)		53.380	43.381	-	-	9.999	(7.874)	(7.419)	-	-	(455)	45.506	35.962	-	-	-	9.544			
4.1	Tiêu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		43.381	43.381	-	-	-	(7.419)	(7.419)	-	-	-	35.962	35.962	-	-	-	-	Trong năm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên không thuộc đối tượng thụ hưởng của Chương trình		
-	Hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo		24.145	24.145	-	-	-	(4.376)	(4.376)	-	-	-	19.769	19.769	-	-	-	-			
		Trường Cao đẳng kĩ thuật nghề	3.876	3.876	-	-	-	-					3.876	3.876	-	-	-	-			
		Trường Cao đẳng y tế	2.400	2.400	-	-	-	-					2.400	2.400	-	-	-	-			
		Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải	2.800	2.800	-	-	-	-					2.800	2.800	-	-	-	-			
		UBND thành phố Đông Hà	1.534	1.534	-	-	-	-					1.534	1.534	-	-	-	-			
		UBND thị xã Quảng Trị	1.295	1.295	-	-	-	-					1.295	1.295	-	-	-	-			
		UBND huyện Triệu Phong	1.641	1.641	-	-	-	-					1.641	1.641	-	-	-	-			
		UBND huyện Hải Lăng	1.641	1.641	-	-	-	-					1.641	1.641	-	-	-	-			
		UBND huyện Cam Lộ	1.295	1.295	-	-	-	-					1.295	1.295	-	-	-	-			
		UBND huyện Dakrông	2.245	2.245	-	-	-	-					2.245	2.245	-	-	-	-			
		UBND huyện Hướng Hóa	2.375	2.375	-	-	-	(2.375)	-2.375				-	-	-	-	-	-			
		UBND huyện Gio Linh	1.597	1.597	-	-	-	(1.109)	-1.109				488	488	-	-	-	-			
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.446	1.446	-	-	-	(892)	-892				554	554	-	-	-	-			
	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã DBKK, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo		19.236	19.236	-	-	-	(3.043)	(3.043)	-	-	-	16.193	16.193	-	-	-	-	Các đơn vị vùng đồng bằng hộ nghèo, cận nghèo đa số là hộ không có khả năng lao động; bên cạnh đó lao động có thu nhập thấp chưa được hưởng dân.		

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị địa phương	Dự toán đã phân bổ giải ngân 2021-2023					Dự toán điều chỉnh tăng/giảm					Dự toán sau điều chỉnh					Thuyết minh cơ sở đề xuất (không còn đối tượng, chưa có hướng dẫn, ý lệ giải ngân (tháp))
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.290	1.290	-	-	-	-	1.290	1.290	-	-	-					
		Tương Cao đồng kết thuật nghệ	470	470	-	-	-	-	470	470	-	-	-					
		UBND thành phố Đông Hà	1.748	1.748	-	-	-	-	1.748	1.748	-	-	-					
		UBND thị xã Quảng Trị	1.442	1.442	-	-	-	-	1.442	1.442	-	-	-					
		UBND huyện Triệu Phong	1.999	1.999	-	-	-	-	1.999	1.999	-	-	-					
		UBND huyện Hải Lăng	2.011	2.011	-	-	-	-	2.011	2.011	-	-	-					
		UBND huyện Cam Lộ	1.472	1.472	-	-	-	-	1.472	1.472	-	-	-					
		UBND huyện Đakrông	2.506	2.506	-	-	-	-	2.506	2.506	-	-	-					
		UBND huyện Hướng Hóa	2.564	2.564	-	-	-	-	2.564	2.564	-	-	-					
		UBND huyện Gio Linh	1.898	1.898	-	-	-	(1.898)	-	-	-	-	-					
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.836	1.836	-	-	-	(1.145)	-1.145	-	-	-	691	691	-	-	-	
4.2	TĐA2. Hỗ trợ người LĐ di làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		1.502	-	-	-	1.502	(405)	-	-	-	(405)	1.097	-	-	-	1.097	Dự án chỉ triển khai ở các xã ĐBKK (bị ngưng bên biên và hai đầu xã huyện nghèo, tuy nhiên các xã đã thoát khỏi danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng hải quân, xen biên và hai đầu bên cạnh đó huyện Đakrông còn được hỗ trợ kinh phí theo Tiểu dự án 3 Dự án 5 Quyết định 1719/QĐ-TTg nên không còn đối tượng được thực. Đề nghị chuyển qua Tiểu dự án 3
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	375	-	-	-	375	(375)	-	-	-	(375)	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Đakrông	1.097	-	-	-	1.097	-	1.097	-	-	-	1.097	-	-	-	-	
		UBND huyện Gio Linh	6	-	-	-	6	(6)	-	-	-	(6)	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Hải Lăng	24	-	-	-	24	(24)	-	-	-	(24)	-	-	-	-	-	
4.3	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững		8.497	-	-	-	8.497	(50)	-	-	-	(50)	8.447	-	-	-	8.447	
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.693	-	-	-	1.693	375	-	-	-	375	2.068	-	-	-	2.068	
		UBND thành phố Đông Hà	815	-	-	-	815	-	815	-	-	-	815	-	-	-	815	
		UBND thị xã Quảng Trị	358	-	-	-	358	-	358	-	-	-	358	-	-	-	358	
		UBND huyện Triệu Phong	858	-	-	-	858	-	858	-	-	-	858	-	-	-	858	
		UBND huyện Hải Lăng	652	-	-	-	652	-	652	-	-	-	652	-	-	-	652	
		UBND huyện Cam Lộ	440	-	-	-	440	-	440	-	-	-	440	-	-	-	440	
		UBND huyện Đakrông	823	-	-	-	823	-	823	-	-	-	823	-	-	-	823	
		UBND huyện Hướng Hóa	1.373	-	-	-	1.373	-	1.373	-	-	-	1.373	-	-	-	1.373	
		UBND huyện Gio Linh	756	-	-	-	756	(425)	-	-	-	-425	331	-	-	-	331	
		UBND huyện Vĩnh Linh	729	-	-	-	729	-	729	-	-	-	729	-	-	-	729	
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện (Mã số CTMT: 0475)		36.100	-	-	-	36.100	-	36.100	-	-	-	36.100	-	-	-	36.100	
		UBND huyện Đakrông	36.100	-	-	-	36.100	-	36.100	-	-	-	36.100	-	-	-	36.100	
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Mã số CTMT: 0476)		16.387	-	-	-	16.387	6	-	-	6	-	16.393	-	-	16.393	-	
6.1	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin		13.771	-	-	-	13.771	-	-	-	-	-	13.771	-	-	13.771	-	
		Sở Thông tin và Truyền thông	12.310	-	-	-	12.310	-	-	-	-	-	12.310	-	-	12.310	-	
		UBND thành phố Đông Hà	76	-	-	-	76	-	-	-	-	-	76	-	-	76	-	

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị địa phương	Dự toán đã phân bổ giải đoạn 2021-2023					Dự toán điều chỉnh tăng/giảm					Dự toán sau điều chỉnh					Thuyết minh cơ sở để xuất (không còn đối tượng, chưa có hướng dẫn, tỷ lệ giải ngân thấp)	
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế		
		UBND thị xã Quảng Trị	39	-	-	39	-	-	-	-	39	-	-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Triệu Phong	159	-	-	159	-	-	-	-	159	-	-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Hải Lăng	168	-	-	168	-	-	-	-	168	-	-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Cam Lộ	56	-	-	56	-	-	-	-	56	-	-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Đakrông	346	-	-	346	-	-	-	-	346	-	-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	297	-	-	297	-	-	-	-	297	-	-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Gio Linh	164	-	-	164	-	-	-	-	164	-	-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	135	-	-	135	-	-	-	-	135	-	-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	21	-	-	21	-	-	-	-	21	-	-	-	-	-	-	-	Hết nội dung chi để nghị chuyển đến Dự án 1 thực hiện dự tư bảo đường
6.2	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều		2.616	-	-	2.616	-	6	-	6	-	2.622	-	-	2.622	-	-	-	
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	511	-	-	511	-	-	-	-	511	-	-	-	511	-	-	-	Chuyển vốn Tiểu dự án 1 Dự án 7
		Sở Tư pháp	100	-	-	100	-	35	-	35	-	135	-	-	135	-	-	-	
		Ủy ban MTTQVN tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	100	-	-	100	-	-	-	-	100	-	-	-	100	-	-	-	
		Hội Cựu chiến binh	100	-	-	100	-	-	-	-	100	-	-	-	100	-	-	-	
		Tỉnh đoàn thanh niên	100	-	-	100	-	-	-	-	100	-	-	-	100	-	-	-	
		UBND thành phố Đông Hà	88	-	-	88	-	-	-	-	88	-	-	-	88	-	-	-	
		UBND thị xã Quảng Trị	42	-	-	42	-	-	-	-	42	-	-	-	42	-	-	-	
		UBND huyện Triệu Phong	185	-	-	185	-	-	-	-	185	-	-	-	185	-	-	-	
		UBND huyện Hải Lăng	198	-	-	198	-	-	-	-	198	-	-	-	198	-	-	-	
		UBND huyện Cam Lộ	66	-	-	66	-	-	-	-	66	-	-	-	66	-	-	-	
		UBND huyện Đakrông	403	-	-	403	-	-	-	-	403	-	-	-	403	-	-	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	345	-	-	345	-	-	-	-	345	-	-	-	345	-	-	-	
		UBND huyện Gio Linh	192	-	-	192	-	-	-	-	192	-	-	-	192	-	-	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	157	-	-	157	-	-	-	-	157	-	-	-	157	-	-	-	
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	29	-	-	29	-	(29)	-	(29)	-	-	-	-	-	-	-	-	
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (Mã số CTMT: 0477)		12.078	12.078	-	-	-	(85)	(85)	-	-	11.993	11.993	-	-	-	-	-	
7.1	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình		7.478	7.478	-	-	-	(65)	(65)	-	-	7.413	7.413	-	-	-	-	-	
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	896	896	-	-	-	-	-	-	896	896	-	-	-	-	-	-	
		Sở Thông tin và truyền thông	45	45	-	-	-	-	-	-	45	45	-	-	-	-	-	-	
		Chi cục Phát triển nông thôn	350	350	-	-	-	-	-	-	350	350	-	-	-	-	-	-	
		Sở Y tế	325	325	-	-	-	-	-	-	325	325	-	-	-	-	-	-	
		Sở Tư pháp	350	350	-	-	-	(35)	-35	-	315	315	-	-	-	-	-	-	Hết nội dung chi để nghị chuyển đến Tiểu dự án 1 Dự án 6
		Sở Xây dựng	60	60	-	-	-	-	-	-	60	60	-	-	-	-	-	-	
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	180	180	-	-	-	-	-	-	180	180	-	-	-	-	-	-	
		Hội Nông dân	170	170	-	-	-	-	-	-	170	170	-	-	-	-	-	-	
		Hội Cựu chiến binh	110	110	-	-	-	-	-	-	110	110	-	-	-	-	-	-	

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị địa phương	Dự toán đã phân bổ giải đoạn 2021-2023				Dự toán điều chỉnh tăng/giảm				Dự toán sau điều chỉnh				Thuyết minh cơ sở đề xuất (không còn đối tượng, chưa có hướng dẫn, tỷ lệ giải ngân thấp)		
			Công	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Công	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế					
		Tỉnh đoàn thanh niên	140	140	-	-	-					140	140	-	-	-	
		UBND thành phố Đồng Hà	250	250	-	-	-					250	250	-	-	-	
		UBND thị xã Quảng Trị	117	117	-	-	-					117	117	-	-	-	
		UBND huyện Triệu Phong	527	527	-	-	-					527	527	-	-	-	
		UBND huyện Hải Lăng	564	564	-	-	-					564	564	-	-	-	
		UBND huyện Cam Lộ	188	188	-	-	-					188	188	-	-	-	
		UBND huyện Đakrông	1.144	1.144	-	-	-					1.144	1.144	-	-	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	984	984	-	-	-					984	984	-	-	-	
		UBND huyện Gio Linh	545	545	-	-	-					545	545	-	-	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	448	448	-	-	-					448	448	-	-	-	
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	85	85	-	-	-	(30)	(30)			55	55	-	-	-	Hết một dụng cụ để nghỉ chuyển đến Dự án 1 thực hiện duy tu bảo dưỡng
7.2	Tiểu dự án 2, Giám sát, đánh giá		4.600	4.600	-	-	-	(20)	(20)	-	-	4.580	4.580	-	-	-	
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.548	1.548	-	-	-					1.548	1.548	-	-	-	
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	220	220	-	-	-					220	220	-	-	-	
		Sở Y tế	140	140	-	-	-					140	140	-	-	-	
		Sở Tài chính	100	100	-	-	-					100	100	-	-	-	
		Chi cục Phát triển nông thôn	175	175	-	-	-					175	175	-	-	-	
		Sở Xây dựng	70	70	-	-	-					70	70	-	-	-	
		Sở Thông tin và truyền thông	100	100	-	-	-					100	100	-	-	-	
		Sở Tư pháp	30	30	-	-	-					30	30	-	-	-	
		Ủy ban MTTQVN tỉnh	80	80	-	-	-					80	80	-	-	-	
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	110	110	-	-	-					110	110	-	-	-	
		Hội Nông dân	80	80	-	-	-					80	80	-	-	-	
		Hội Cựu chiến binh	70	70	-	-	-					70	70	-	-	-	
		Tỉnh đoàn thanh niên	70	70	-	-	-					70	70	-	-	-	
		UBND thành phố Đông Hà	93	93	-	-	-					93	93	-	-	-	
		UBND thị xã Quảng Trị	44	44	-	-	-					44	44	-	-	-	
		UBND huyện Triệu Phong	197	197	-	-	-					197	197	-	-	-	
		UBND huyện Hải Lăng	210	210	-	-	-					210	210	-	-	-	
		UBND huyện Cam Lộ	70	70	-	-	-					70	70	-	-	-	
		UBND huyện Đakrông	426	426	-	-	-					426	426	-	-	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	366	366	-	-	-					366	366	-	-	-	
		UBND huyện Gio Linh	203	203	-	-	-					203	203	-	-	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	166	166	-	-	-					166	166	-	-	-	
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	32	32	-	-	-	(20)	(20)			12	12	-	-	-	Hết một dụng cụ để nghỉ chuyển đến Dự án 1 thực hiện duy tu bảo dưỡng

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÀNH SÁCH TRƯNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTOG GIẢM NGHỀ BỀN VỮNG NĂM 2024

(Kèm theo Tài chính số 166/TT-UBND ngày 25/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024						Dự toán điều chỉnh tăng/giảm						Dự toán sau điều chỉnh						Thuyết minh cơ sở để xuất (không còn đối tượng, chưa có hướng dẫn, tỷ lệ giải ngân thấp)
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục- y tế, dân số và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19			
TỔNG CỘNG			146.655	39.501	5.915	5.168	96.071	-	(1.100)	(628)	(13)	1.741	146.655	38.401	5.287	5.155	97.812				
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã DBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (Mã số CTMT: 0471)		7.817	-	-	-	7.817	576	-	-	-	576	8.393	-	-	-	8.393				
1.1	TDA 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã DBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo		7.817	-	-	-	7.817	576	-	-	-	576	8.393	-	-	-	8.393				
-	Hoạt động 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo	UBND huyện Dakrông	6.017	-	-	-	6.017	-	-	-	-	-	6.017	-	-	-	6.017				
-	Hoạt động 2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.		1.800	-	-	-	1.800	576	-	-	-	576	2.376	-	-	-	2.376				
		UBND huyện Hải Lăng	600				600	-					600	-	-	-	600				
		UBND huyện Gio Linh	300				300	-					300	-	-	-	300	Chuyển vốn từ các Dự án, tiêu dự án để giải ngân của huyện			
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	900				900	576				576	1.476	-	-	-	1.476				
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Mã số CTMT: 0472)		38.637	-	-	-	38.637	2.301	-	-	-	2.301	40.938	-	-	-	40.938				
		UBND thành phố Đông Hà	1.611				1.611	-					1.611	-	-	-	1.611				
		UBND thị xã Quảng Trị	754				754	-					754	-	-	-	754				
		UBND huyện Triệu Phong	3.391				3.391	-					3.391	-	-	-	3.391				
		UBND huyện Hải Lăng	4.550				4.550	24				24	4.574	-	-	-	4.574	Chuyển vốn Tiêu dự án 2 DA4			
		UBND huyện Cam Lộ	1.206				1.206	-					1.206	-	-	-	1.206				
		UBND huyện Dakrông	12.889				12.889	-					12.889	-	-	-	12.889				
		UBND huyện Hướng Hóa	6.330				6.330	-					6.330	-	-	-	6.330				
		UBND huyện Gio Linh	3.971				3.971	2.277				2.277	6.248	-	-	-	6.248	Chuyển vốn Tiêu dự án 1 và Tiêu dự án 2 DA4			
		UBND huyện Vĩnh Linh	2.883				2.883	-					2.883	-	-	-	2.883				
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	1.052				1.052	-					1.052	-	-	-	1.052				
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện đời sống (Mã số CTMT: 0473)		21.887	-	5.915	-	15.972	(1.063)	-	(628)	-	(435)	20.824	-	5.287	-	15.537				
3.1	Tiêu dự án 1. Hỗ trợ PT SX trong lĩnh vực nông nghiệp		15.972	-	-	-	15.972	(435)	-	-	-	(435)	15.537	-	-	-	15.537				
		UBND thành phố Đông Hà	666				666	-					666	-	-	-	666				
		UBND thị xã Quảng Trị	312				312	-					312	-	-	-	312				
		UBND huyện Triệu Phong	1.402				1.402	-					1.402	-	-	-	1.402				
		UBND huyện Hải Lăng	1.881				1.881	-					1.881	-	-	-	1.881				
		UBND huyện Cam Lộ	498				498	-					498	-	-	-	498				
		UBND huyện Dakrông	5.328				5.328	-					5.328	-	-	-	5.328				
		UBND huyện Hướng Hóa	2.617				2.617	-					2.617	-	-	-	2.617				
		UBND huyện Gio Linh	1.641				1.641	-					1.641	-	-	-	1.641				

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024				Dự toán điều chỉnh tăng/giảm				Dự toán sau điều chỉnh				Thuyết minh cơ sở đề xuất (không còn đối tượng, chưa có hướng dẫn, ý lệ giải ngân thấp)		
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề		Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.192				1.192	-				1.192	-	-	-	1.192	Số hộ nghèo và cận nghèo trên huyện đảo Cồn Cỏ ít theo đó 100% hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo đã được hỗ trợ vốn hỗ trợ phát triển sản xuất. Đề nghị chuyển tăng Dự án 1
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	435				435	(435)				-435	-	-	-	-	
3.2	Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng		5,915	-	5,915	-	-	(628)	-	(628)	-	-	5,287	-	5,287	-	-
		UBND thành phố Đông Hà	229		229			-					229	-	229	-	-
		UBND thị xã Quảng Trị	127		127			-					127	-	127	-	-
		UBND huyện Triệu Phong	550		550			-					550	-	550	-	-
		UBND huyện Hải Lăng	657		657			-					657	-	657	-	-
		UBND huyện Cam Lộ	204		204			-					204	-	204	-	-
		UBND huyện Đakrông	2.125		2.125			-					2.125	-	2.125	-	-
		UBND huyện Hướng Hóa	856		856			-					856	-	856	-	-
		UBND huyện Gio Linh	558		558			(558)	-558				-	-	-	-	Hiện nay trên địa bàn huyện hết đối tượng thực hiện
		UBND huyện Vĩnh Linh	459		459			-					459	-	459	-	-
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	150		150			(70)	-70				80	-	80	-	Hiện nay trên địa bàn huyện hết đối tượng thực hiện
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Mã số CTMT: 0474)		38,975	30,330	-	-	8,645	(1,743)	(1,042)	-	-	(701)	37,232	29,288	-	-	7,944
4.1	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		30,330	30,330	-	-	-	(1,042)	(1,042)	-	-	-	29,288	29,288	-	-	-
-	Hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo		17,948	17,948	-	-	-	-	-	-	-	-	17,948	17,948	-	-	-
		Trường Cao đẳng kỹ thuật	10,618	10,618				-					10,618	10,618	-	-	-
		Trường Cao đẳng y tế	4,830	4,830				-					4,830	4,830	-	-	-
		Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải	2,500	2,500				-					2,500	2,500	-	-	-
-	Hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp		12,382	12,382	-	-	-	(1,042)	(1,042)	-	-	-	11,340	11,340	-	-	Các đơn vị vùng đồng bằng hộ nghèo, cận nghèo đa số là hộ không có khả năng lao động; bên cạnh đó lao động có thu nhập thấp chưa được hướng dẫn.
		Trường Cao đẳng Kỹ thuật	250	250				-					250	250	-	-	-
		UBND thành phố Đông Hà	1,214	1,214				-					1,214	1,214	-	-	-
		UBND thị xã Quảng Trị	1,001	1,001				-					1,001	1,001	-	-	-
		UBND huyện Triệu Phong	1,387	1,387				-					1,387	1,387	-	-	-
		UBND huyện Hải Lăng	1,396	1,396				-					1,396	1,396	-	-	-
		UBND huyện Cam Lộ	1,021	1,021				-					1,021	1,021	-	-	-
		UBND huyện Đakrông	1,740	1,740				-					1,740	1,740	-	-	-
		UBND huyện Hướng Hóa	1,780	1,780				-					1,780	1,780	-	-	-
		UBND huyện Gio Linh	1,317	1,317				(1,042)	-1,042				275	275	-	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	1,276	1,276				-					1,276	1,276	-	-	-
4.2	TDA2. Hỗ trợ người LĐ di làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		1,148	-	-	-	1,148	(317)	-	-	-	(317)	831	-	-	-	831

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Dự toán điều chỉnh tăng/giảm					Dự toán sau điều chỉnh					Thuyết minh cơ sở để xuất (không còn đối tượng, chưa có hướng dẫn, ý kiến giải ngân thấp)		
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế			
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	287				287	(287)				(287)	-	-	-	-	-	-	-	Dự án chi triển khai ở các xã DBKK tại trung tâm biên và hải đảo và huyện nghèo, ưu tiên các xã đã thoát khỏi danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng hải ngoại, ven biển và hải đảo; bên cạnh đó huyện Đăknông còn được hỗ trợ kinh phí theo Tầm nhìn dự án 3 Dự án 5 Quyết định 1719/QĐ-TTg nên không còn đối tượng thực hiện. Đề nghị chuyển qua Tầm nhìn dự án 4
		UBND huyện Đăknông	831				831	-	-	-	-		831							Xã DBKK đã được công nhận NTM, hết nhiệm vụ chi
		UBND huyện Gio Linh	6				6	(6)				(6)	-	-	-	-	-	-	-	Xã DBKK đã được công nhận NTM, hết nhiệm vụ chi
		UBND huyện Hải Lăng	24				24	(24)				(24)	-	-	-	-	-	-	-	
4.3	Tầm nhìn dự án 3, Hỗ trợ việc làm bền vững		7.497	-	-	-	7.497	(384)	-	-	-	(384)	7.113	-	-	-	7.113	7.113		
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.450				1.450	287				287	1.737	-	-	-	-	1.737		
		UBND thành phố Đông Hà	725				725	-					725	-	-	-	-	725		
		UBND thị xã Quảng Trị	317				317	-					317	-	-	-	-	317		
		UBND huyện Triệu Phong	763				763	-					763	-	-	-	-	763		
		UBND huyện Hải Lăng	580				580	-					580	-	-	-	-	580		
		UBND huyện Cam Lộ	391				391	-					391	-	-	-	-	391		
		UBND huyện Đăknông	732				732	-					732	-	-	-	-	732		
		UBND huyện Hướng Hóa	1.220				1.220	-					1.220	-	-	-	-	1.220		
		UBND huyện Gio Linh	671				671	(671)				(671)	-	-	-	-	-	-		Trên địa bàn đã hết nhiệm vụ chi
		UBND huyện Vĩnh Linh	648				648	-					648	-	-	-	-	648		
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn hộ nghèo (Mã số CTMT: 0475)		25.000	-	-	-	25.000	-	-	-	-	-	25.000	-	-	-	25.000	25.000		
		UBND huyện Đăknông	25.000					-					25.000	-	-	-	-	25.000		
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Mã số CTMT: 0476)		5.168	-	-	-	5.168	(13)	-	-	(13)	-	5.155	-	-	-	5.155	-		
6.1	Tầm nhìn dự án 1, Giảm nghèo về thông tin		3.268	-	-	-	3.268	(7)	-	-	(7)	-	3.261	-	-	-	3.261	-		
		Sở Thông tin và Truyền thông	2.740	-	-	-	2.740	-					2.740	-	-	-	2.740	-		
		UBND thành phố Đông Hà	27				27	-					27	-	-	-	27	-		
		UBND thị xã Quảng Trị	13				13	-					13	-	-	-	13	-		
		UBND huyện Triệu Phong	57				57	-					57	-	-	-	57	-		
		UBND huyện Hải Lăng	61				61	-					61	-	-	-	61	-		
		UBND huyện Cam Lộ	20				20	-					20	-	-	-	20	-		
		UBND huyện Đăknông	126				126	-					126	-	-	-	126	-		
		UBND huyện Hướng Hóa	107				107	-					107	-	-	-	107	-		
		UBND huyện Gio Linh	59				59	-					59	-	-	-	59	-		
		UBND huyện Vĩnh Linh	49				49	-					49	-	-	-	49	-		
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	9				9	(7)	-	-	(7)	-	2	-	-	-	2	-		Trên địa bàn đã hết nhiệm vụ chi
6.2	Tầm nhìn dự án 2, Truyền thông và giảm nghèo đa chiều		1.900	-	-	-	1.900	(6)	-	-	(6)	-	1.894	-	-	-	1.894	-		
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	300				300	-					300	-	-	-	300	-		
		Sở Tư pháp	52				52	-					52	-	-	-	52	-		
		Ủy ban MTTQVN tỉnh	60				60	-					60	-	-	-	60	-		
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	58				58	-					58	-	-	-	58	-		
		Hội Cựu chiến binh	50				50	-					50	-	-	-	50	-		

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024						Dự toán điều chỉnh tăng/giảm						Dự toán sau điều chỉnh						Thuyết minh cơ sở đề xuất (không còn đối tượng, chưa có hướng dẫn, ý lệ giải ngân thấp)
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế				
		Tỉnh đoàn thanh niên	100			100		-					100	-		100	-				
		UBND thành phố Đông Hà	66			66		-					66	-		66	-				
		UBND thị xã Quảng Trị	31			31		-					31	-		31	-				
		UBND huyện Triệu Phong	139			139		-					139	-		139	-				
		UBND huyện Hải Lăng	149			149		-					149	-		149	-				
		UBND huyện Cam Lộ	49			49		-					49	-		49	-				
		UBND huyện Đakrông	302			302		-					302	-		302	-				
		UBND huyện Hướng Hóa	260			260		-					260	-		260	-				
		UBND huyện Gio Linh	144			144		-					144	-		144	-				
		UBND huyện Vĩnh Linh	118			118		-					118	-		118	-				
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	22			22		(6)			(6)		16	-		16	-		Trên địa bàn đã hết nhiệm vụ chi		
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá		9.171	9.171	-	-	-	(58)	(58)	-	-	-	9.113	9.113	-	-	-				
7.1	Chương trình (Mã số CTMT: 0477)		4.850	4.850	-	-	-	(28)	(28)	-	-	-	4.822	4.822	-	-	-				
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	600	600				-					600	600	-	-	-				
		Chi cục Phát triển nông thôn	100	100				-					100	100	-	-	-				
		Sở Y tế	234	234				-					234	234	-	-	-				
		Sở Tư pháp	232	232				-					232	232	-	-	-				
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	344	344				-					344	344	-	-	-				
		Hội Nông dân	114	114				-					114	114	-	-	-				
		Hội Cựu chiến binh	80	80				-					80	80	-	-	-				
		Tỉnh đoàn thanh niên	70	70				-					70	70	-	-	-				
		UBND thành phố Đông Hà	159	159				-					159	159	-	-	-				
		UBND thị xã Quảng Trị	74	74				-					74	74	-	-	-				
		UBND huyện Triệu Phong	334	334				-					334	334	-	-	-				
		UBND huyện Hải Lăng	358	358				-					358	358	-	-	-				
		UBND huyện Cam Lộ	119	119				-					119	119	-	-	-				
		UBND huyện Đakrông	725	725				-					725	725	-	-	-				
		UBND huyện Hướng Hóa	624	624				-					624	624	-	-	-				
		UBND huyện Gio Linh	346	346				-					346	346	-	-	-				
		UBND huyện Vĩnh Linh	284	284				-					284	284	-	-	-				
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	53	53				(28)	(28)				25	25	-	-	-		Trên địa bàn đã hết nhiệm vụ chi		
7.2	Tiêu dự án 2. Giám sát, đánh giá		4.321	4.321	-	-	-	(30)	(30)	-	-	-	4.291	4.291	-	-	-				
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.272	1.272				-					1.272	1.272	-	-	-				
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	150	150				-					150	150	-	-	-				
		Sở Y tế	125	125				-					125	125	-	-	-				
		Chi cục Phát triển nông thôn	100	100				-					100	100	-	-	-				
		Sở Xây dựng	40	40				-					40	40	-	-	-				
		Sở Thông tin và truyền thông	50	50				-					50	50	-	-	-				
		Ủy ban MTTQVN tỉnh	90	90				-					90	90	-	-	-				
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	70	70				-					70	70	-	-	-				
		Hội Nông dân	50	50				-					50	50	-	-	-				
		Hội Cựu chiến binh	68	68				-					68	68	-	-	-				

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Dự toán điều chỉnh tăng/giảm					Dự toán sau điều chỉnh					Thuyết minh cơ sở để xuất (không còn đối tượng, chưa có hướng dẫn, tỷ lệ giải ngân thấp)
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	
		Tỉnh đoàn thanh niên	35	35									35	35	-	-	-	
		UBND thành phố Đông Hà	117	117									117	117	-	-	-	
		UBND thị xã Quảng Trị	55	55									55	55	-	-	-	
		UBND huyện Triệu Phong	247	247									247	247	-	-	-	
		UBND huyện Hải Lăng	264	264									264	264	-	-	-	
		UBND huyện Hải Lăng	88	88									88	88	-	-	-	
		UBND huyện Cam Lộ																
		UBND huyện Đakrông	534	534									534	534	-	-	-	
		UBND huyện Hương Hóa	461	461									461	461	-	-	-	
		UBND huyện Gio Linh	255	255				-					255	255	-	-	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	210	210				-					210	210	-	-	-	
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	40	40				(30)	(30)				- 10	10	-	-	-	Trên địa bàn đã hết nhiệm vụ chi